

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hệ thống hóa định kỳ văn bản quy phạm pháp luật
của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (kỳ 02)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 61/TTr-STP ngày 04/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch hệ thống hóa định kỳ văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (kỳ 02) kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành ở tỉnh, UBND cấp huyện triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *u*

Nơi nhận: *u*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP;
- + Các P. TT;
- Lưu VT, NCm60.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

KẾ HOẠCH

Hệ thống hóa định kỳ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (kỳ 02) ⁽¹⁾

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~34.60~~./QĐ-UBND

ngày 14./12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Theo Điều 164 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp phải định kỳ hệ thống hóa 05 năm/lần. Để thực hiện quy định trên, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hệ thống hóa định kỳ văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh kỳ 02, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU HỆ THỐNG HÓA

1. Mục đích

a) Tập hợp, xem xét, đối chiếu, đánh giá một cách toàn diện văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 02.

b) Lập và công bố các danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực thi hành toàn bộ hoặc một phần, danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực để các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; danh mục văn bản QPPL qua rà soát cho thấy cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới) để kịp thời khắc phục tồn tại, hạn chế, bất cập trong hệ thống văn bản pháp luật của tỉnh.

c) Phát hiện, phân tích những vấn đề còn tồn tại trong việc soạn thảo, ban hành, đưa tin, kiểm tra, rà soát... văn bản thuộc từng lĩnh vực để rút kinh nghiệm, góp phần hoàn thiện công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh, của cấp huyện, cấp xã.

2. Yêu cầu

a) Việc hệ thống hóa phải được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng tiến độ, đồng bộ.

⁽¹⁾ Hệ thống hóa kỳ đầu đã thực hiện năm 2013 với văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành đến hết năm 2013 theo quy định tại Điều 22 Nghị định 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Đối với văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, kết quả hệ thống hóa kỳ đầu được công bố tại Quyết định số 2662/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của HĐND tỉnh.

b) Xác định rõ trách nhiệm; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện;

c) Kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có), bảo đảm hoàn thành tất cả các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA

1. Văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 02 (từ năm 2014 đến hết năm 2018; kể cả những văn bản mới ban hành cuối năm 2018, chưa có hiệu lực thi hành), gồm:

a) Nghị quyết QPPL còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và nghị quyết ban hành mới từ năm 2014 đến hết năm 2018;

b) Quyết định QPPL còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và nghị quyết ban hành mới từ năm 2014 đến hết năm 2018;

c) Chỉ thị QPPL của UBND các cấp còn hiệu lực qua hệ thống hóa kỳ đầu và các chỉ thị QPPL ban hành từ năm 2014 đến hết tháng 6/2016 ⁽²⁾.

2. Văn bản chứa QPPL do HĐND, UBND; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND các cấp ban hành nếu có (văn bản không phải là văn bản QPPL nhưng có nội dung áp dụng chung) hiện còn hiệu lực thi hành, gồm: Nghị quyết, quyết định, chỉ thị cá biệt có chứa QPPL; thông báo, công văn, kế hoạch... chứa QPPL.

* Riêng các đơn vị cấp huyện, cấp xã chưa thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa kỳ đầu thì phải thực hiện việc hệ thống hóa đối với văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp mình ban hành từ trước đến hết năm 2018.

III. HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL CỦA HĐND, UBND TỈNH

1. Thu thập, tập hợp văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa

a) Các sở, ban, ngành ở tỉnh có trách nhiệm thu thập, tập hợp văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; văn bản chứa QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh (nếu có) trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của đơn vị (đối với văn bản ban hành trong năm 2018 chỉ tập hợp văn bản ban hành hết quý I/2018), gồm:

- Văn bản do đơn vị đã chủ trì soạn thảo.

⁽²⁾ Theo Điều 4, Khoản 2 Điều 172 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, từ tháng 7/2016, UBND các cấp không còn ban hành văn bản QPPL với hình thức chỉ thị nữa; các chỉ thị QPPL đã ban hành trước đây, đến tháng 7/2016 vẫn còn hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc bị thay thế bằng văn bản QPPL khác.

- Văn bản do đơn vị khác chủ trì soạn thảo nhưng có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước được giao của đơn vị.

Việc thu thập, tổng hợp văn bản phải hoàn thành trong quý I/2018.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành trong xác định, tập hợp văn bản khi có yêu cầu.

2. Rà soát văn bản đã thu thập được

a) Các sở, ban, ngành ở tỉnh có trách nhiệm vận dụng quy định về rà soát văn bản quy định tại Chương IX Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, tiến hành rà soát cụ thể từng văn bản đã thu thập, tổng hợp theo Phụ lục 1 nêu trên trên cơ sở đối chiếu, so sánh hình thức, nội dung văn bản với quy định pháp luật hiện hành có liên quan và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay trên địa bàn tỉnh, xác định rõ:

- Văn bản hết hiệu lực toàn bộ, thời điểm, lý do hết hiệu lực.

- Văn bản hết hiệu lực một phần ⁽³⁾, phần hết hiệu lực, thời điểm, lý do hết hiệu lực.

- Văn bản còn hiệu lực. Trong những văn bản còn hiệu lực này, văn bản nào cần phải bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, ngưng hiệu lực, lý do đề xuất.

* Đối với các chỉ thị QPPL còn hiệu lực, theo Điểm e Khoản 7 Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, các chỉ thị này phải được rà soát để bãi bỏ hoặc thay thế bằng các văn bản phù hợp.

* Qua rà soát, nếu phát hiện văn bản của Trung ương đã có quy định nhưng HĐND, UBND chưa có văn bản điều chỉnh trong lĩnh vực này hoặc cần có biện pháp, chính sách cụ thể để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị thì phải đề xuất ban hành mới.

* Nếu có văn bản do các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội chủ trì soạn thảo thì cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực đó có trách nhiệm rà soát văn bản do các tổ chức này tham mưu.

Kết quả thực hiện được lập thành báo cáo kết quả hệ thống hóa, Danh mục văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa của đơn vị đã qua rà soát ***theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo***; hoàn thành trong quý II/2018, gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) ***trước ngày 30/6/2018***.

⁽³⁾ Phần văn bản đó đã được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ bởi văn bản khác

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn các sở, ban, ngành thực hiện việc rà soát văn bản khi có yêu cầu.

3. Kiểm tra, bổ sung kết quả rà soát, hệ thống hóa

Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Kiểm tra kết quả rà soát của các cơ quan, đơn vị gửi về; nêu rõ ý kiến thống nhất, chưa thống nhất và lý do chưa thống nhất đối với từng văn bản rà soát của các cơ quan, đơn vị.

b) Cập nhật, rà soát bổ sung đối với những văn bản QPPL chưa được các cơ quan, đơn vị tổng hợp, rà soát.

Việc kiểm tra, bổ sung phải hoàn thành trong quý III/2018.

4. Trao đổi, thống nhất kết quả rà soát, hệ thống hóa

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Tổ chức việc trao đổi, thống nhất ý kiến giữa các cơ quan, đơn vị có ý kiến khác nhau về cùng một văn bản được rà soát (nếu có).

- Trao đổi, thống nhất kết quả đối với những văn bản chưa rà soát, rà soát chưa đầy đủ; hoặc có ý kiến khác nhau giữa kết quả rà soát của cơ quan, đơn vị với kết quả kiểm tra của Sở; ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị.

b) Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, có văn bản phản hồi lại ý kiến trao đổi của Sở Tư pháp (nêu rõ thống nhất, không thống nhất và lý do không thống nhất nếu có).

Việc trao đổi, thống nhất kết quả rà soát phải hoàn thành trong tháng 11/2018.

5. Tổng hợp, lập các Danh mục hệ thống hóa, Tập hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh

Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tổng hợp, lập các danh mục văn bản hệ thống hóa ⁽⁴⁾ trên cơ sở các văn bản đã thống nhất với các cơ quan, đơn vị về kết quả rà soát; cập nhật văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành từ quý II/2018 đến hết năm 2018 vào các danh mục văn bản hệ thống hóa. Căn cứ danh mục văn bản còn hiệu lực, tập hợp, sắp xếp các văn bản còn hiệu lực thành Tập hệ thống hóa văn bản.

⁽⁴⁾ Các Danh mục này được lập theo Mẫu số 03, 04, 05, 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP, gồm: Danh mục văn bản còn hiệu lực (bao gồm cả văn bản hết hiệu lực một phần); Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; Danh mục văn bản cần đình chỉ thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

b) Xây dựng Báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh, nêu rõ quá trình tổ chức thực hiện; kết quả đạt được; đánh giá về thực trạng hệ thống văn bản được rà soát và kiến nghị, đề xuất xử lý văn bản.

c) Tổ chức họp thống nhất kết quả hệ thống hóa để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

Các nội dung công việc trên hoàn thành trong tháng 01/2019.

6. Công bố kết quả hệ thống hóa

Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trước ngày 28/02/2019 theo quy định tại Điểm d Khoản 6 Điều 167 Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

7. Phát hành Tập hệ thống hóa văn bản

Sở Tư pháp có trách nhiệm in ấn, phát hành Tập hệ thống hóa văn bản đến các sở, ban, ngành ở tỉnh; HĐND, UBND cấp huyện; HĐND, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh để phục vụ việc tra cứu, sử dụng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố.

8. Xử lý văn bản có kiến nghị qua rà soát

a) Các cơ quan, đơn vị ở tỉnh có trách nhiệm chủ trì, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới theo đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL đối với văn bản có kiến nghị qua rà soát theo tiến độ xác định tại Danh mục văn bản cần xử lý.

b) Sở Tư pháp chủ trì tham mưu UBND tỉnh bãi bỏ, kiến nghị HĐND tỉnh bãi bỏ theo thẩm quyền đối với văn bản qua rà soát có kiến nghị bãi bỏ; trình trong quý II/2019.

IV. HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QPPL CỦA HĐND, UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

1. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tư pháp chủ trì, tham mưu UBND cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện.

b) Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc UBND cấp xã trên địa bàn thực hiện việc hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện việc hệ thống hóa khi có đề nghị; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của cấp huyện, cấp xã.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Nghị quyết số 51/2012/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh và các văn bản liên quan. Trường hợp có quy định mới thì thực hiện theo quy định hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị ở tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành Kế hoạch hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 31/01/2018**.

b) Thành lập bộ phận rà soát gồm đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị phụ trách chung, tổ chức pháp chế của đơn vị **làm đầu mối** tổ chức thực hiện và các phòng, ban chuyên môn tham gia phối hợp; báo cáo đầu mối tổ chức thực hiện (họ và tên, chức vụ, số điện thoại), về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 31/01/2018**.

c) Thực hiện việc tập hợp, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo quy định tại Mục III Kế hoạch này; gửi về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 30/6/2018**.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện; chỉ đạo UBND cấp xã xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp xã.

Tổng hợp tình hình xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa trên địa bàn theo **mẫu tại Phụ lục 02**, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) **trước ngày 28/02/2018**.

b) Triển khai thực hiện việc hệ thống hóa trên địa bàn theo quy định tại Mục IV Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp), gồm:

- Gửi Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện về Sở Tư pháp **trong thời hạn 20 ngày**, kể từ ngày công bố.

- Báo cáo kết quả hệ thống hóa của cấp huyện, các đơn vị cấp xã trên địa bàn về UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp), gồm báo cáo và số liệu thống kê **theo mẫu tại Phụ lục 03** kèm theo trong tháng 02/2019.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn đầu mối thực hiện việc hệ thống hóa tại cơ quan, đơn vị ở tỉnh, đại diện lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Tư pháp cấp huyện để triển khai Kế hoạch hệ thống hóa kỳ 02 đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành ở tỉnh; UBND cấp huyện thực hiện việc hệ thống hóa và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Mục III, Mục IV, Mục V Kế hoạch này.

Trên cơ sở các nội dung đã được đề ra tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành ở tỉnh, UBND cấp huyện kịp thời chỉ đạo, nghiêm túc triển khai thực hiện.

*(Chi tiết, các đơn vị liên hệ trực tiếp Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Sở Tư pháp, điện thoại 0262.3959.125; email: pk tvbqppl@tuphap.daklak.gov.vn)./. *nh**

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

Đơn vị:.....

PHỤ LỤC 01 (dành cho các cơ quan, đơn vị ở tỉnh)

**Danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc đối tượng hệ thống hóa kỳ 02
trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao**

1. Văn bản thuộc đối tượng hệ thống hóa

STT	Loại văn bản ⁽¹⁾	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu	Ngày, tháng, năm có hiệu lực	Kết quả rà soát ⁽²⁾	Ghi chú
01	Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị	.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Hết hiệu lực từ ngày (được thay thế/bãi bỏ tại Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày .../.../...)	Văn bản do đơn vị chủ trì xây dựng
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Phù hợp pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội hiện hành của tỉnh	
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Hết hiệu lực một phần từ ngày(Điểm...Khoản...Điều được thay thế/sửa đổi, bổ sung/bãi bỏ tại Quyết định số...../QĐ-UBND ngày .../.../...)	
		.../.../.....	Tăng cường.....	.../.../.....	Cần bãi bỏ, vì ...(nội dungkhông còn phù hợp tình hình kinh tế - xã hội hiện hành/không còn phù hợp quy định tại...../đã thực hiện xong)	Văn bản do đơn vị khác chủ trì xây dựng
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Cần sửa đổi, bổ sung, vì theo Điều...Luật../Nghị định../Thông tư... thì nên quy định tại các Điềubản Quy định không còn phù hợp	
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Cần thay thế, vì theo Điều...Luật../Nghị	

⁽¹⁾ Là nghị quyết, quyết định hoặc chỉ thị QPPL – sắp xếp theo thời gian ban hành từ trước đến nay theo quy định tại Điều 168 Nghị định 34/2016/NĐ-CP.
⁽²⁾ Theo Điều 153 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Điều 143 Nghị định 34/2016/NĐ-CP thì kết quả rà soát được thể hiện thông qua các đề xuất:

- **Còn hiệu lực** nếu phù hợp quy định pháp luật và tình hình kinh tế - xã hội hiện tại;
- **Hết hiệu lực toàn bộ** nếu toàn bộ văn bản đã được thay thế, bãi bỏ bởi văn bản khác; **hết hiệu lực một phần** nếu phần nội dung đó được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi văn bản khác;
- **Cần bãi bỏ** nếu không còn phù hợp mà không cần ban hành văn bản thay thế;
- **Sửa đổi, bổ sung** nếu có một phần nội dung không còn phù hợp; **thay thế** nếu phần lớn hoặc toàn bộ nội dung không còn phù hợp;
- **Ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần** trong thời hạn xác định để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội phát sinh

					định.../Thông tư... thì nên phần lớn/nội dung tại văn bản không còn phù hợp	
		.../.../.....	Quy định.....	.../.../.....	Cần ngưng hiệu lực toàn bộ/phần....đến hết thời hạn....., vì....(nêu rõ để giải quyết vấn đề kinh tế - xã hội nào phát sinh dẫn đến phải ngưng hiệu lực trong thời hạn xác định)	

2. Văn bản cần ban hành mới trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao (văn bản của Trung ương quy định địa phương ban hành văn bản quy định chi tiết nhưng HĐND, UBND tỉnh chưa ban hành hoặc xuất phát từ yêu cầu quản lý nhà nước thực tế nhưng chưa có văn bản điều chỉnh)

STT	Loại văn bản cần ban hành (1)	Dự kiến trích yếu	Căn cứ để ban hành ⁽³⁾	Thời điểm dự kiến ban hành	Ghi chú
	Nghị quyết	Về....	Cần có chính sách, biện pháp này để thực hiện nhiệm vụ của HĐND tỉnh theo quy định tại Điểm...Khoản... Điều ...Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, luật....	Trong quý/2018	
	Quyết định	Về....	Theo Điểm ...Khoản ...Điều ...Nghị định số... thì UBND tỉnh phải ban hành văn bản quy định chi tiết nội dung này		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

⁽³⁾ Nêu rõ điều, khoản văn bản của Trung ương quy định việc HĐND, UBND tỉnh phải ban hành văn bản quy định chi tiết hoặc thực tế kinh tế - xã hội cần có sự quản lý của Nhà nước nhưng chưa có văn bản điều chỉnh

UBND huyện/thị xã/thành phố.....

PHỤ LỤC 02 (dành cho UBND cấp huyện)

Tình hình xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa kỳ 02
văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn

TT	Cấp hành chính	Kế hoạch hệ thống hóa kỳ 02 (số, ký hiệu, ngày, tháng năm)	Ghi chú
I	Cấp huyện	Quyết định số..../QĐ-UBND ngày/....../....	
II	Cấp xã	đơn vị đã ban hành Kế hoạch;đơn vị chưa ban hành Kế hoạch	
01	TT.....	Quyết định số..../QĐ-UBND ngày/....../....	
02	Xã.....	(chưa ban hành Kế hoạch)	
03	Xã.....	Quyết định số..../QĐ-UBND ngày/....../....	

*** Kế hoạch hệ thống hóa của UBND cấp huyện phải gửi kèm theo thống kê này**

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)

UBND huyện/thị xã/thành phố.....

PHỤ LỤC 03 (dành cho UBND cấp huyện)

Kết quả hệ thống hóa kỳ 02 văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn

[illegible]

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)